

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2022

V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đới

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Quang C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Khu phố 8a, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là anh Bùi Quang C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quang C và chị Nguyễn Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt Hng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị H đã bỏ vào Đồng Nai sinh sống từ cuối năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh C và chị H không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị Nguyễn Thu H.

Về con chung: Anh C khai vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 08 tháng 1 năm 2008 và Bùi Thị Khánh L sinh ngày 16 tháng 8 năm 2011. Trường hợp ly hôn anh C đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh C tự thỏa thuận với chị H, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh C đề tự thỏa thuận với chị H, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thu H vắng mặt tại Tòa án, tuy nhiên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời có ý kiến đồng ý với lời khai của anh C về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng cũng như về con cái và tài sản chung. Nay anh C có đơn xin ly hôn với anh thì chị H cũng đồng ý ly hôn nhưng đề nghị được vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử. Về con chung và tài sản chung vợ chồng chị H đồng ý với đề nghị của anh C, không có ý kiến đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Quang C và chị Nguyễn Thu H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Quang C được ly hôn chị H. Về con chung, giao con là Bùi Quang T và Bùi Thị Khánh L cho anh C nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh C và chị H tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do anh C, chị H không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh Bùi Quang C và bị đơn là chị Nguyễn Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiền Hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là anh Bùi Quang C và bị đơn là chị Nguyễn Thu H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Quang C và chị Nguyễn Thu H được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt Hằng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Anh C, chị H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh C và chị H không còn quan tâm đến nhau nữa. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị H phù hợp với lời khai của anh C, chị H. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H, chị H cũng đồng ý ly hôn và đề nghị được vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị H đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh C xin ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh C và chị H có 02 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 08 tháng 1 năm 2008 và Bùi Thị Khánh L sinh ngày 16 tháng 8 năm 2011. Trường hợp ly hôn anh C đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Chị H vắng mặt nhưng cũng đã có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung phù hợp với đề nghị của anh C. Hai cháu Bùi Quang T và Bùi Thị Khánh L đang ở cùng anh C và đều có nguyện vọng được ở cùng với anh C. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của anh C, giao cháu Bùi Quang T và Bùi Thị Khánh L cho anh C nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh C, chị H đề nghị để tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh C, chị H khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Quang C được ly hôn chị Nguyễn Thu H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Bùi Quang T, sinh ngày 08 tháng 1 năm 2008 và Bùi Thị Khánh L sinh ngày 16 tháng 8 năm 2011 cho anh Bùi Quang C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Quang C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai số 0001715 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Quang C, chị Nguyễn Thu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ, huyện K ;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang